

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ PHỐI HỢP NHÀ TRƯỜNG - GIA ĐÌNH: TỪ THỰC TIỄN CÁC TRƯỜNG MẦM NON TẠI PHƯỜNG MINH PHỤNG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đinh Nguyễn Thảo Vy
HVCH QLGD A5K13, Trường Đại học Đồng Tháp

Tóm tắt: Giáo dục mầm non là giai đoạn nền tảng trong quá trình hình thành nhân cách và phát triển toàn diện của trẻ. Sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình là yếu tố cốt lõi để hiện thực hóa mục tiêu giáo dục này. Tuy nhiên, thực tiễn tại các trường mầm non trên địa bàn phường Minh Phụng, TP. Hồ Chí Minh cho thấy công tác quản lý hoạt động phối hợp vẫn còn nhiều hạn chế, tình kết nối chưa cao và thiếu sự đồng bộ trong triển khai. Thông qua phương pháp nghiên cứu định lượng (bảng hỏi) và định tính (phỏng vấn sâu) với 120 khách thể là cán bộ quản lý, giáo viên và cha mẹ học sinh, bài viết phân tích thực trạng và đề xuất 05 nhóm biện pháp quản lý mang tính hệ thống nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động phối hợp. Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học và giải pháp thực tiễn để các đơn vị mầm non xây dựng môi trường giáo dục đồng thuận, an toàn và bền vững.

Từ khóa: Giáo dục mầm non, phối hợp nhà trường và gia đình, quản lý giáo dục, đổi mới quản lý, phường Minh Phụng.

INNOVATING THE MANAGEMENT OF SCHOOL-FAMILY COLLABORATION: PRACTICAL INSIGHTS FROM PRESCHOOLS IN MINH PHUNG WARD, HO CHI MINH CITY

Abstract: Preschool education serves as a foundational stage in children's personality formation and holistic development. Close collaboration between schools and families is a core factor in realizing this educational goal. However, practical evidence from preschools in Minh Phung Ward, Ho Chi Minh City, indicates that the management of collaborative activities still faces numerous limitations, with low connectivity and a lack of synchronization in implementation. Through quantitative (questionnaires) and qualitative (in-depth interviews) research methods involving 120 subjects—including administrators, teachers, and parents—this paper analyzes the current situation and proposes five systematic management measures to innovate and improve the quality of collaborative activities. The research findings provide a scientific basis and practical solutions for preschool institutions to build a consensus-based, safe, and sustainable educational environment.

Keywords: Preschool education, school-family collaboration, educational management, management innovation, Minh Phung Ward.

Nhận bài: 17/04/2026

Phản biện: 16/05/2026

Duyệt đăng: 20/05/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục mầm non là mắt xích đầu tiên và đặc biệt quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ và thẩm mỹ của trẻ từ 0-6 tuổi. Trong giai đoạn này, quá trình khôn lớn và hình thành nhân cách của trẻ không thể tách rời sự nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục từ hai môi trường then chốt: gia đình và nhà trường. Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục cũng đã nhấn mạnh trách nhiệm của gia đình trong việc phối hợp với nhà trường và xã hội để giáo dục nhân cách, lối sống cho con em mình. Tuy nhiên, thực tiễn tại các trường mầm non trên địa bàn phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay cho thấy, dù nhận thức của các bên đã có nhiều chuyển biến tích cực, song công tác quản lý hoạt động phối hợp này vẫn bộc lộ một số hạn chế nhất định. Việc phối hợp đôi khi còn mang tính hình thức, thiếu sự gắn kết chặt chẽ; các hình thức tương tác chưa phong phú, chủ

yếu là thông tin một chiều; sự tham gia của một bộ phận phụ huynh chưa đồng đều và công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả phối hợp chưa được thực hiện thường xuyên. Nguyên nhân một phần đến từ đặc thù công việc bận rộn của phụ huynh khu vực đô thị, phần khác do năng lực tổ chức, đổi mới chỉ đạo của đội ngũ quản lý và giáo viên còn những giới hạn. Chính vì vậy, nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp đổi mới công tác quản lý phối hợp nhà trường - gia đình trong các trường mầm non là rất cần thiết.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Thực trạng nhận thức và triển khai hoạt động phối hợp nhà trường - gia đình

Nghiên cứu được tiến hành khảo sát tại 06 trường mầm non công lập trên địa bàn phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm các Trường Mầm non 1, 2, 4, 6, 7 và 16). Dung lượng mẫu khảo sát gồm 120 khách thể đại diện cho các bên liên quan trực tiếp đến hoạt động giáo

dục, cụ thể bao gồm: 36 cán bộ quản lý (06 hiệu trưởng, 06 phó hiệu trưởng, 24 tổ trưởng chuyên môn), 54 giáo viên và 30 cha mẹ học sinh.

Kết quả khảo sát cho thấy cả hai nhóm khách thể là cán bộ - giáo viên (CB-GV) và cha mẹ học sinh (CMHS) đều đánh giá rất cao tính cần thiết của hoạt động phối hợp. Đối với nhóm CB-GV, có 66,6% đánh giá ở mức “quan trọng” và 16,7% ở mức “rất quan trọng”. Đối với nhóm CMHS, tổng tỷ lệ đánh giá ở mức tích cực (“quan trọng” và “rất quan trọng”) đạt tới 96,7%. Về vai trò phối hợp, CB-GV nhận thức rõ vị trí trung tâm, vai trò điều phối của nhà trường trong việc tổ chức và dẫn dắt các hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục (ĐTB = 4,11).

Các mục tiêu phối hợp được đội ngũ sư phạm đánh giá ở mức khá cao (ĐTB dao động từ 3,48 đến 4,16). Mục tiêu được đồng thuận cao nhất là giúp cha mẹ có nhận thức đúng đắn nhằm nâng cao trách nhiệm đối với việc giáo dục trẻ (ĐTB = 4,16), điều này hoàn toàn thống nhất với các nghiên cứu trước đó của Nguyễn Thị Kim Anh (2018). Bên cạnh đó, các mục tiêu tạo mối liên hệ gắn kết (Đinh Văn Mãi, 2018) và tạo sự thống nhất về quan điểm, phương pháp giáo dục (Tạ Thị Thanh An, 2013) cũng nhận được sự đánh giá tích cực.

Việc phối hợp giữa gia đình và nhà trường diễn ra khá đa dạng về thời điểm, trong đó tập trung chủ yếu vào các mốc định kỳ như: đầu và cuối năm học (93,3%), hàng tuần (90,0%) và hằng ngày (70,0%). Mặc dù vậy, tỷ lệ phối hợp đột xuất khi có vấn đề xảy ra còn khá thấp (30,0%), cho thấy tính chủ động và linh hoạt trong các tình huống phát sinh chưa cao. Về lý do phối hợp, 100% phụ huynh đồng ý rằng mục đích chính là để nắm bắt thông tin về con và tạo sự gắn kết chặt chẽ với nhà trường trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ.

Dữ liệu khảo sát từ CB-GV chỉ ra rằng các nội dung được thực hiện tốt nhất là việc Hiệu trưởng phổ biến kế hoạch phối hợp (ĐTB = 4,14) và việc huy động khả năng, tiềm lực của gia đình tham gia thực hiện chương trình giáo dục (ĐTB = 4,12) (Tăng Thị Tuyết Trinh, 2016). Đứng từ góc độ CMHS, phụ huynh tham gia tích cực nhất vào việc đóng góp xây dựng cơ sở vật chất và thực hiện các công việc của hội cha mẹ học sinh (cùng đạt ĐTB = 4,27). Tuy nhiên, việc phụ huynh trực tiếp tham gia các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức (ĐTB = 3,37) hay việc quan tâm, động viên, giúp đỡ giáo viên (ĐTB = 2,89) lại có mức độ thực hiện thấp hơn đáng kể.

Các cơ sở giáo dục mầm non áp dụng phổ biến cả phương pháp dùng lời và bằng văn bản. Về hình thức, sự tương tác trực tiếp đem lại hiệu quả thực tiễn cao nhất và được ưu tiên sử dụng. Diễn hình như hình thức trao đổi qua các đợt kiểm tra sức khỏe trẻ đạt mức độ thực hiện cao nhất (ĐTB = 4,20), tiếp đó là trao đổi trực tiếp trong giờ đón – trả trẻ (ĐTB = 4,09) và tổ chức họp CMHS (ĐTB = 4,08). Ngược lại, các kênh liên lạc mang tính gián tiếp như qua hộp thư, điện thoại ít được sử dụng và chưa phát huy được hiệu quả mong đợi (ĐTB = 2,91). Điều này cho thấy nhà trường và phụ huynh luôn đề cao kênh giao tiếp trực tiếp để xử lý kịp thời các vấn đề thực tế của trẻ.

2.2. Thực trạng công tác quản lý hoạt động phối hợp của Ban giám hiệu

Hiệu quả vận hành của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình phụ thuộc lớn vào phương thức phân cấp thẩm quyền của chủ thể điều hành. Kết quả điều tra thực trạng cho thấy sự phân hóa tương đối phức tạp trong tư duy của đội ngũ cán bộ - giáo viên về phân cấp quản lý. Cụ thể, có 44,5% ý kiến lựa chọn phương án “Tùy theo công việc mà Hiệu trưởng quản lý hay phân công cho Phó hiệu trưởng quản lý”. Tiếp đó, 32,2% số người được hỏi cho rằng công tác này thuộc thẩm quyền chung của cả Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng. Đáng chú ý, chỉ có 23,3% đối tượng nhận thức chính xác rằng Hiệu trưởng là người duy nhất chịu trách nhiệm quản lý tối cao đối với hoạt động này trong nhà trường. Khoa học quản lý giáo dục khẳng định việc đồng quản lý thiếu rạch ròi giữa các cấp lãnh đạo dễ dẫn đến sự chòng chẹo về chức năng hoặc đùn đẩy trách nhiệm mỗi khi phát sinh bất cập.

Xét về khía cạnh mục đích quản lý, đội ngũ cán bộ, giáo viên bộc lộ sự đồng thuận rất cao. Nội dung “Nhằm tăng cường mối quan hệ gắn kết giữa nhà trường và gia đình” nhận được tỷ lệ đồng ý lớn nhất với 96,7%. Tiếp theo, mục đích quản lý tốt các nguồn lực của nhà trường đạt 91,1% tỷ lệ đồng thuận. Các nội dung liên quan đến việc định hướng và điều hành hoạt động của giáo viên đối với cha mẹ trẻ đạt tỷ lệ đồng ý từ 85,6% đến 86,7%. Sự tồn tại của một bộ phận nhỏ giáo viên chưa đồng ý phản ánh một thực tế rằng nhận thức về giá trị bản chất của công tác điều hành quản lý trong phối hợp lực lượng giáo dục vẫn chưa thực sự đồng đều.

Dữ liệu thống kê chứng minh việc triển khai bốn chức năng quản lý cốt lõi (Lập kế hoạch - Tổ chức - Chỉ đạo - Kiểm tra) tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn phường Minh Phụng đang diễn ra không đồng đều và bộc lộ một số khâu yếu.

Về chức năng lập kế hoạch, điểm trung bình (ĐTB) thực hiện dao động trong khoảng từ 2,79 đến 3,92. Người quản lý làm tốt nhất khâu xác định mục tiêu, nội dung phối hợp (ĐTB = 3,92) và chủ động phối hợp xây dựng kế hoạch hành động cùng Ban đại diện cha mẹ học sinh (ĐTB = 3,91). Tuy nhiên, nội dung “Thông qua kế hoạch trong hội đồng sư phạm nhà trường và lấy ý kiến đóng góp” đạt mức điểm thấp nhất toàn khâu (ĐTB = 2,79). Điều này phản ánh tính thiếu dân chủ, chưa phát huy được trí tuệ và tiếng nói của tập thể sư phạm trước khi ban hành văn bản chính thức.

Về chức năng tổ chức thực hiện, trị số trung bình dao động từ 2,91 đến 3,97. Ban giám hiệu thực hiện tích cực khâu xây dựng cơ cấu, thành lập ban chỉ đạo chuyên trách (ĐTB = 3,97) và phân công người phụ trách, giám sát (ĐTB = 3,74). Dù vậy, khâu bộc lộ hạn chế nhất là “Triển khai kế hoạch và phân bổ kinh phí, thời gian thực hiện” với điểm số rất khiêm tốn (ĐTB = 2,91). Thực trạng này cho thấy những khó khăn mang tính cơ học về điều kiện tài lực và áp lực quỹ thời gian trong bối cảnh đô thị hóa. Việc thống nhất mục tiêu, nội dung giữa nhà trường và gia đình cũng đạt mức điểm thấp (ĐTB = 3,14), chứng tỏ sự đồng bộ hóa thông tin giữa hai bên còn lỏng lẻo.

Về chức năng chỉ đạo thực hiện, công tác chỉ đạo đạt mức độ thực hiện trung bình khá với ĐTB từ 3,04 đến 3,68. Điểm mạnh của chức năng này nằm ở nội dung hướng dẫn cách thức thực hiện các hoạt động phối hợp cho từng bộ phận chuyên môn (ĐTB = 3,68). Trái lại, khâu yếu nhất chính là hoạt động định kỳ sơ kết, tổng kết và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch (ĐTB = 3,04). Thiếu đi hoạt động sơ kết thường xuyên sẽ làm suy giảm khả năng nhìn nhận sai lệch để điều chỉnh kịp thời phương thức tác động lên đối tượng quản lý.

Về chức năng kiểm tra, đánh giá, điểm số thực hiện của chức năng hậu kiểm trải dài từ 2,74 đến 4,10. Ban giám hiệu thể hiện sự sát sao khi chủ động xác định rõ ràng nội dung cần kiểm tra ngay từ đầu (ĐTB = 4,10). Song, nội dung “Phân công nhân sự để thực hiện công tác kiểm tra, đánh

giá” bộc lộ điểm hạn chế lớn nhất với ĐTB chỉ đạt 2,74. Việc thiếu hụt một lực lượng nhân sự chuyên trách hoặc bán chuyên trách theo dõi hậu kiểm khiến cho khâu kiểm tra, theo dõi để điều chỉnh kịp thời hành vi phối hợp của giáo viên bộc lộ kết quả chưa thực sự rõ nét (ĐTB = 3,28).

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý phối hợp

Quá trình quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ chịu sự tác động đan xen của nhiều yếu tố khác nhau. Dựa trên kết quả khảo sát thực tiễn tại các trường mầm non ở Phường Minh Phụng, các yếu tố này được chia thành hai nhóm chính: yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan, trong đó yếu tố con người đóng vai trò mang tính quyết định.

Năng lực của đội ngũ Cán bộ quản lý (CBQL): Kết quả khảo sát cho thấy đây là yếu tố có mức độ ảnh hưởng cao nhất đến công tác quản lý phối hợp (Điểm trung bình - ĐTB đạt 4,17). Năng lực của CBQL thể hiện qua khả năng sử dụng đúng lúc, kịp thời các phương pháp quản lý, cũng như kỹ năng phân công nhân sự và điều hành các hoạt động trong nhà trường. Thực tiễn cho thấy, ở một số trường, việc quản lý chưa thực sự sâu sát, công tác chỉ đạo, kiểm tra và đánh giá chưa được thực hiện thường xuyên và có hệ thống, làm giảm đi hiệu quả phối hợp.

Năng lực và kỹ năng của đội ngũ giáo viên: Giáo viên là lực lượng trực tiếp hiện thực hóa các chương trình giảng dạy và các hoạt động phối hợp. Yếu tố này được đánh giá có mức độ ảnh hưởng cao thứ hai (ĐTB đạt 4,02). Bên cạnh trình độ chuyên môn, năng lực tư vấn và đề xuất các biện pháp giải quyết vấn đề thực tiễn của giáo viên đóng vai trò rất lớn. Những hạn chế về kỹ năng giao tiếp, truyền thông và tư vấn cho phụ huynh của một bộ phận giáo viên chính là rào cản khiến hiệu quả phối hợp chưa đạt như mong muốn.

Sự phối hợp và nhận thức của Cha mẹ học sinh (CMHS): Để đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, nhà trường không thể thiếu sự đồng hành từ gia đình. Nhận thức xã hội và cách chăm sóc, giáo dục trẻ tại gia đình có ảnh hưởng khá lớn đến hiệu quả phối hợp (ĐTB đạt 3,92). Trên thực tế, mức độ tham gia của phụ huynh hiện nay chưa đồng đều; một bộ phận vẫn còn thụ động, phó thác việc giáo dục con cái cho nhà trường hoặc thiếu các kiến thức, kỹ năng nuôi dạy trẻ khoa học.

Điều kiện cơ sở vật chất và nguồn lực: Cơ sở vật chất là yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến việc triển khai các sáng kiến chuyên môn và hoạt động chăm sóc trẻ của Hiệu trưởng (ĐTB đạt 3,99). Cơ sở vật chất khang trang, thiết bị đầy đủ sẽ tạo không gian thuận lợi để tổ chức đa dạng các hoạt động mời phụ huynh cùng tham gia. Tuy nhiên, việc huy động các nguồn lực xã hội cho công tác này tại các trường mầm non hiện vẫn còn hạn chế.

Điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và nghề nghiệp của phụ huynh: Bối cảnh kinh tế xã hội của địa phương định hướng cho Hiệu trưởng trong việc lựa chọn các hoạt động phối hợp sao cho phù hợp (ĐTB đạt 3,91). Đặc thù công việc bận rộn, ít thời gian rảnh rỗi của phụ huynh tại khu vực đô thị, cộng với sự chênh lệch về điều kiện kinh tế, đã trực tiếp làm hạn chế tần suất và mức độ tham gia phối hợp thường xuyên với nhà trường.

Sự quan tâm của các cấp, các ngành: Sự hỗ trợ, chỉ đạo sát sao từ các cấp lãnh đạo là động lực thúc đẩy Hiệu trưởng đầu tư có hiệu quả vào công tác giáo dục, đồng thời giúp nhà trường thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục (ĐTB đạt 3,96).

2.4. Biện pháp đổi mới công tác quản lý phối hợp nhà trường - gia đình

Thứ nhất, cần nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và cha mẹ học sinh về vai trò của công tác phối hợp nhà trường – gia đình trong giáo dục mầm non. Cán bộ quản lý phải là lực lượng nòng cốt, am hiểu sâu sắc ý nghĩa của sự phối hợp để tuyên truyền, hướng dẫn và tạo sự đồng thuận trong tập thể sư phạm cũng như phụ huynh. Công tác tuyên truyền cần được triển khai đa dạng, nhất là thông qua công nghệ thông tin như website, fanpage, nhóm Zalo lớp có giám sát, phần mềm giáo dục Edui, K12Online để cập nhật hoạt động của trẻ, điểm danh, trao đổi thông tin và giải đáp thắc mắc kịp thời. Nhà trường cũng có thể sử dụng các công cụ thiết kế như Canva để xây dựng tờ rơi, tài liệu hướng dẫn phương pháp giáo dục gửi đến phụ huynh. Đồng thời, cần khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên tự bồi dưỡng qua thư viện trực tuyến, đọc tài liệu định kỳ, đổi mới cách ghi sổ bé ngoan theo hướng cụ thể, sát đặc điểm từng trẻ. Hình thức họp phụ huynh nên linh hoạt, có thể gặp riêng từng gia đình để bảo mật thông tin và trao đổi sâu hơn. Việc nâng cao nhận thức phải được đưa vào kế hoạch thường

xuyên, có kinh phí, nhân sự, thời gian cụ thể, đồng thời gắn với khen thưởng giáo viên, nhân viên và phụ huynh tích cực.

Thứ hai, cần xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp một cách chi tiết, khoa học. Thực tế cho thấy nhiều trường mầm non chỉ lồng ghép một số hoạt động chung như họp phụ huynh đầu năm, cuối năm mà chưa có kế hoạch phối hợp cụ thể. Vì vậy, cán bộ quản lý cần xây dựng chiến lược dài hạn, xác định tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu phối hợp. Kế hoạch năm học phải căn cứ vào quy định pháp luật, mục tiêu giáo dục mầm non và điều kiện thực tiễn địa phương. Quy trình lập kế hoạch cần bắt đầu từ khảo sát thực trạng nhà trường và phụ huynh, xác định mục tiêu, nội dung, nguồn lực, sau đó dự thảo, lấy ý kiến hội đồng sư phạm và cha mẹ học sinh, chỉnh sửa, công khai và triển khai đến từng lớp. Trong kế hoạch, nhiệm vụ của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và Ban đại diện cha mẹ học sinh phải được phân định rõ ràng để bảo đảm tính khả thi.

Thứ ba, cần đổi mới phương thức tổ chức và chỉ đạo triển khai hoạt động phối hợp. Hiệu trưởng phải phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn, sở trường của từng thành viên, hướng dẫn cách thực hiện, theo dõi tiến độ và kịp thời điều chỉnh. Nhà trường cần mạnh dạn mời phụ huynh tham gia trực tiếp các hoạt động như “một ngày cùng bé”, thao giảng, hội thi, ngày hội gia đình, chuyên đề giáo dục hoặc giao lưu với chuyên gia. Qua đó, phụ huynh hiểu hơn công việc của giáo viên, chia sẻ và đồng hành tích cực hơn. Bên cạnh đó, cần phát huy hòm thư góp ý, tổ chức phản hồi minh bạch và vận động nguồn lực từ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Thứ tư, cần tăng cường kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kỳ. Hiệu trưởng phải xây dựng kế hoạch kiểm tra riêng cho hoạt động phối hợp, có tiêu chí rõ ràng, kết hợp đánh giá định tính và định lượng qua hồ sơ giáo viên, kết quả phát triển của trẻ và phản hồi của phụ huynh. Sau kiểm tra, cần công khai kết quả, rút kinh nghiệm, nhân rộng điển hình tốt và đưa công tác phối hợp vào tiêu chí thi đua, khen thưởng.

Thứ năm, cần bảo đảm các điều kiện hỗ trợ tối ưu cho công tác phối hợp. Nhà trường phải hoàn thiện văn bản nội bộ, nâng cấp hạ tầng công nghệ, khai thác hiệu quả phần mềm, website, fanpage, Zalo; huy động nguồn lực hợp pháp để cải thiện

ơ sở vật chất, tổ chức chuyên đề và bồi dưỡng giáo viên. Đồng thời, cần xây dựng môi trường làm việc khoa học, thân thiện, công bằng; bố trí thời gian hoạt động linh hoạt và lựa chọn phụ huynh nhiệt tình tham gia Ban đại diện cha mẹ học sinh để lan tỏa sự đồng hành tích cực giữa gia đình và nhà trường.

III. KẾT LUẬN

Quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình đóng vai trò then chốt trong việc tạo ra môi trường giáo dục thống nhất, giúp trẻ mầm non phát triển toàn diện về mọi mặt. Kết quả nghiên cứu thực tiễn tại các trường mầm non Phường Minh Phụng cho thấy, dù nhận thức của đội ngũ cán bộ, giáo viên và phụ huynh đã có những

chuyên biến tích cực, song công tác quản lý phối hợp vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, hình thức chưa phong phú và việc thực hiện các chức năng quản lý (đặc biệt là khâu kiểm tra, đánh giá) chưa thực sự đồng bộ. Đề tháo gỡ những tồn tại này, bài viết đã đề xuất 5 nhóm biện pháp quản lý mang tính hệ thống, bao gồm: nâng cao nhận thức, xây dựng kế hoạch khoa học, đổi mới tổ chức chỉ đạo, tăng cường kiểm tra đánh giá và đảm bảo các điều kiện hỗ trợ. Việc áp dụng linh hoạt và đồng bộ các biện pháp này không chỉ là giải pháp khắc phục khó khăn trước mắt mà còn là chiến lược cốt lõi để nâng cao chất lượng giáo dục, kiến tạo một môi trường an toàn và bền vững cho trẻ ngay từ những năm tháng đầu đời.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ Trường mầm non*.
- Chu Thị Hồng Nhung, Trần Thị Ngọc Trâm, Nguyễn Thị Sinh Thảo. (2013). *Phối hợp với gia đình để giáo dục trẻ mầm non (Module 40)*.
- Đinh Văn Mãi. (2018). “Phối hợp giữa gia đình với nhà trường trong giáo dục - chăm sóc trẻ mầm non”. Thông tin khoa học giáo dục nhà trường và thực tiễn giáo dục, số 22.
- Nguyễn Thị Kim Anh. (2018). “Hình thức phối hợp giữa cha mẹ với trường mầm non trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non có rối loạn phổ tự kỷ”. Thông tin khoa học giáo dục nhà trường và thực tiễn giáo dục, số 21.